TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2019
Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Cư, bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương*, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Nhiệm- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 244/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/6/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị D**, sinh năm 1984.

ĐKHKTT: Số 364 L, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn P, xã N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Ngô Thành L**, sinh năm 1977.

ĐKHKTT và cư trú tại: Số 364 L, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn về quan hệ tài sản: Chị Phạm Thị K, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 30 L, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương *(giấy uỷ quyền ngày 03/6/2019)*.

- Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 364 L, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

+ Chị Ngô Thị Thùy T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 205/31 K, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại phiên toà có mặt anh L, chị K; vắng mặt chị D, bà G, chị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị D trình bày: Chị và anh Ngô Thành L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 18/01/2018. Sau khi chung sống, hai bên bộc lộ nhiều điểm khác biệt về cách sống, về quan điểm xử lý các vấn đề phát sinh của cuộc sống gia đình. Anh L sống thiếu trách nhiệm, không quan tâm, chăm sóc vợ con và thường xuyên cãi vã, gây áp lực cho chị, có lần còn đánh chị. Vợ chồng tuy sống cùng nhà nhưng một thời gian dài ở riêng phòng, không quan tâm đến nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, cuộc sống căng thẳng. Dù đã tìm nhiều biện pháp khắc phục, gia đình hai bên đã góp ý, động viên nhưng vợ chồng vẫn không chung sống hoà hợp được. Xác định cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm nên chị xin ly hôn anh L.

Chị và anh L có một con chung là Ngô Anh V- sinh ngày 20/9/2018. Chị đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Chị không có ý kiến gì về việc anh L đề nghị Toà án công nhận nhà, đất tại số 364 L, thành phố H, tỉnh Hải Dương và diện tích 651m2 đất thuộc thửa đất số 7 tờ bản đồ 78 tại khu đô thị phía T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương là tài sản của anh L.

Tại bản tự khai, đơn khởi kiện về tài sản và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn là anh Ngô Thành L trình bày thống nhất với chị D về thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng. Do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xảy ra cãi nhau làm tình cảm rạn nứt. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay không có biện pháp khắc phục. Hiện hai bên không còn tình cảm với nhau nên anh nhất trí ly hôn chị D.

Anh và chị D có một con chung là Ngô Anh V- sinh ngày 20/9/2018. Anh nhất trí để chị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Anh và chị D không có tài sản chung, không có nợ chung. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống tại nhà đất ở số 364 L, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương cho đến khi ly thân nhưng không tiến hành sửa chữa, cải tạo gì đối với nhà đất nói trên. Nguồn gốc nhà đất là do anh nhận chuyển nhượng của bà Lý Thị H vào năm 2005. Đến năm 2006, anh phá nhà cũ để xây mới ngôi nhà ba tầng như hiện nay; làm thủ tục hợp pháp hoá diện tích đất dôi dư và thực hiện thủ tục xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất *(GCNQSDĐ)*. Ngày 24/4/2019, UBND thành phố H cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên anh. Thời điểm tạo lập nhà đất anh đã kết hôn với

chị Ngô Thị Thùy T *(vợ trước của anh L)* nhưng toàn bộ số tiền nhận chuyển nhượng nhà đất, xây nhà mới và hợp pháp hoá diện tích đất dôi dư là do anh tự tiết kiệm được từ trước khi kết hôn với chị T; chị T không đóng góp công sức hay kinh tế gì vào việc tạo lập, phát triển nhà đất.

Ngày 20/7/2016, anh ký Hợp đồng và thanh toán tiền nhận chuyển nhượng 651m2 đất tại Khu đô thị phía T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương của Chi nhánh công ty cổ phần tập đoàn N với số tiền 1.627.500.000đ. Thời điểm này anh đã ly hôn với chị T và chưa kết hôn với chị D nhưng do thủ tục hành chính nên đến ngày 18/4/2019 anh mới được UBND thành phố H cấp GCNQSDĐ.

Anh chưa bao giờ nhập các khối tài sản nói trên vào tài sản chung vợ chồng với chị T hoặc chị D. Ngày 08/7/2014, anh và chị T đã xác lập Văn bản thỏa thuận nhà đất tại số 364 Lê Thanh Nghị là tài sản riêng của anh, văn bản này được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Hải Dương. Nay anh khởi kiện đề nghị Toà án công nhận quyền sử dụng 651m2 đất thuộc thửa đất số 7 tờ bản đồ số 78 tại khu đô thị phía T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương và 135.6m2 đất ở thuộc thửa đất số 63 tờ bản đồ số 17, ngôi nhà 03 tầng xây dựng trên đất tại số 364 L, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương là tài sản của anh.

Chị Ngô Thị Thùy T trình bày: Chị và anh Ngô Thành L kết hôn ngày 25/7/2005 và được Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương giải quyết cho ly hôn ngày 13/01/2016. Trước khi kết hôn, anh L đã có kế hoạch và chuẩn bị tài chính để nhận chuyển nhượng nhà, đất tại số 364 L, phường L, thành phố H. Chị không đóng góp công sức hay kinh tế gì vào việc tạo lập, phát triển nhà đất. Quá trình chung sống, anh L chưa bao giờ nhập nhà đất trên vào tài sản chung vợ chồng và chị đã ký văn bản xác nhận nhà đất là tài sản riêng của anh L. Diện tích đất tại khu đô thị mới phía T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương do anh L mua của tập đoàn N sau khi đã ly hôn với chị. Chị xác định không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến các khối tài sản nói trên.

Bà Nguyễn Thị G (mẹ đẻ anh L) trình bày: Anh L, chị D phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cách sống, cách sinh hoạt. Chị D không cởi mở, không chủ động chia sẻ suy nghĩ của bản thân với gia đình. Bà đã trực tiếp nói chuyện tìm hiểu nguyên nhân và góp ý, động viên vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân một thời gian nhưng bà cũng không còn biện pháp nào khác để giúp vợ chồng đoàn tụ. Nhà đất tại số 364 L và diện tích đất tại khu đô thị phía T, phường T do anh L tự tạo lập được trước khi kết hôn với chị D. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không tiến hành sửa chữa, xây dựng gì thêm đối với các khối tài sản nói trên.

Tại phiên tòa: Anh L nhất trí ly hôn chị D; nhất trí để chị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 43, 44 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội. Đề nghị HĐXX: Xử cho chị D được ly hôn anh L. Giao cháu V cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Công nhận quyền sử dụng 651m2 đất thuộc thửa đất số 7 tờ bản đồ số 78 tại khu đô thị phía T, phường T, thành phố H và 135.6m2 đất ở thuộc thửa đất số 63 tờ bản đồ số 17, ngôi nhà 03 tầng xây dựng trên đất tại số 364 L, phường L, thành phố H là tài sản của anh L. Buộc chị D, anh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn là chị Lê Thị D được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị D.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị D và anh Ngô Thành L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương ngày 18/01/2018. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn và chung sống với nhau sau khi có giấy đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Chị D và anh L đều xác định cuộc sống chung không hoà hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về tính cách và quan điểm sống. Dù đã tìm nhiều biện pháp khắc phục, được hai bên gia đình động viên, góp ý nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung và đã sống ly thân một thời gian. Hiện hai bên không còn tình cảm với nhau. Vì vậy xác định hôn nhân giữa chị D và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó HĐXX cần xử cho chị D được ly hôn anh L theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị D và anh L có một con chung là Ngô Anh V- sinh ngày 20/9/2018, hiện đang ở cùng chị D. Nhận thấy cháu V còn nhỏ *(dưới 36 tháng tuổi)* cần phải có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ và các đương sự đều trình bày giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, HĐXX cần giao cháu V cho chị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Từ lời trình bày của anh L, chị T, bà G đối chiếu với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Nhà đất tại số 364 L, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương do anh L nhận chuyển nhượng của bà Lý Thị H vào năm 2005. Đến năm 2006, anh L phá nhà cũ và xây nhà ba tầng trên đất; thực hiện thủ tục hợp thức hoá diện tích đất dôi dư và xin cấp đổi GCNQSDĐ. Như vậy nhà đất được hình thành và phát triển trong thời kỳ hôn nhân giữa anh L và chị T. Tuy nhiên, chính chị T xác nhận trước khi kết hôn với chị thì anh L đã có kế hoạch và chuẩn bị tài chính để mua lại nhà đất nói trên; chị không đóng góp công sức hay kinh tế gì vào việc tạo lập, phát triển nhà đất. Ngày 08/7/2014, chị T ký văn bản xác nhận nhà đất nói trên là tài sản riêng của anh L. Từ khi bắt đầu chung sống cho đến khi ly hôn, anh L chưa bao giờ nhập nhà đất nói trên vào tài sản chung vợ chồng với chị T.

Đối với diện tích 651m2 đất thuộc thửa đất số 7 tờ bản đồ số 78 tại khu đô thị phía T, phường T, thành phố H do anh L nhận chuyển nhượng của Chi nhánh công ty cổ phần tập đoàn N ngày 20/7/2016. Thời điểm nhận chuyển nhượng đất, thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì anh L đã ly hôn với chị T và chưa kết hôn với chị D.

Từ khi kết hôn với chị D đến nay anh L chưa bao giờ nhập các khối tài sản nói trên vào tài sản chung vợ chồng với chị D. Anh và chị D cũng không tiến hành cải tạo, sửa chữa gì nhà đất. Do đó GCNQSDĐ được cấp sau khi kết hôn với chị D nhưng đều đứng tên một mình anh L là phù hợp. Mặt khác, tại đơn khởi kiện và bản tự khai, chị D đều trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung với anh L. Chị D không có ý kiến phản đối khi anh L khởi kiện yêu cầu Toà án công nhận nhà đất là tài sản của anh. Vì vậy có đủ cơ sở xác định quyền sử dụng 651m2 đất thuộc thửa đất số 7 tờ bản đồ số 78 tại khu đô thị phía T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương và quyền sử dụng 135.6m2 đất ở thuộc thửa đất số 63 tờ bản đồ số 17, ngôi nhà 03 tầng xây dựng trên đất tại số 364 L, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương là tài sản của anh L.

[5] *Về án phí*: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh L tự nguyện chịu cả án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu về tài sản nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 43 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị D và anh Ngô Thành L.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lê Thị D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Ngô Anh V- sinh ngày 20/9/2018 cho đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Ngô Thành L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản:

- Xác nhận quyền sử dụng 651m2 đất thuộc thửa đất số 7 tờ bản đồ số 78; địa chỉ: Khu đô thị phía T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương là tài sản của anh Ngô Thành L *(giấy tờ về tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ630221 do UBND thành phố H cấp ngày 18/4/2019 đứng tên ông Ngô Thành L).*

- Xác nhận quyền sử dụng 135.6m2 đất ở thuộc thửa đất số 63 tờ bản đồ số 17 và ngôi nhà 03 tầng xây dựng trên đất; địa chỉ: Số 364 L, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương là tài sản của anh Ngô Thành L *(giấy tờ về tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ630449 do UBND thành phố H cấp ngày 24/4/2019 đứng tên ông Ngô Thành L).*

4. Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0006880 ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị D đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Anh Ngô Thành L tự nguyện chịu cả 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2017/0006943 ngày 05/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Anh L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

5. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Thị Phương Thúy

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- UBND phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.